

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DSST

Ngày: 21/6/2021

*“V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Võ Thị Hồng Trà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2013/TLST - DS ngày 25 tháng 3 năm 2013 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐST - DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị S, sinh năm 1964; Trú tại: 27 đường T, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; nơi cư trú: khu phố N, phường T, thành phố T, Phú Yên. vắng mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Sương trình bày được tóm tắt như sau: Yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả nợ tiền mua xe trả góp số tiền gốc 3.800.000đ và tiền lãi từ ngày 07/8/2012 cho đến khi trả hết nợ (theo Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 07/8/2012). Quá trình giải quyết vụ án, bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc

1.107.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật. (Theo Hợp đồng trả góp ngày 30/5/2010 do bà D cung cấp cho Tòa án).

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2010, bà có mua 01 xe máy hiệu Tirana, số máy 00101169, số khung 4H108869 với giá 5.000.000đ, đưa trước 3.000.000đ còn nợ lại 2.000.000đ bà S cho trả góp. Bà S tính lãi suất phải trả trong 18 kỳ góp xe là 900.000đ và bà ký nhận nợ số tiền còn lại là 2.900.000đ và góp trả mỗi tháng là 363.000đ. Bà đã trả góp cho bà S nhiều lần, cụ thể: ngày 28/6/2010 trả 363.000đ, ngày 25/8/2010 trả 400.000đ, ngày 23/10/2010 trả 300.000đ, ngày 30/12/2010 trả 300.000đ, ngày 09/5 (không rõ năm) chốt còn nợ 1.107.000đ; ngày 30/01/2011 trả 363.000đ nên còn nợ 744.000đ.

Bà đồng ý trả cho bà S 744.000đ và tiền lãi từ ngày 01/2/2011 cho đến nay. Khi mua xe bà S không giao giấy tờ xe cho bà. Nay bà biết xe do anh T đứng tên sở hữu nên yêu cầu sau khi bà trả hết nợ gốc và lãi thì bà S phải có nghĩa vụ sang tên trước bạ chiếc xe này cho bà.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T trình bày được tóm tắt như sau: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTN TM) T chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì Ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông T không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do DNTN TM T bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 1.107.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng từ ngày bà Sương khởi kiện. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về hợp đồng mua bán tài sản, là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố

Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị S có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc *Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 07/8/2012*, người mua xe bà Nguyễn Thị D, mua xe biển số 78M1- 4839, số khung 108869, số máy 00108869, còn nợ số tiền 3.800.000đ. Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô trên (Giấy đăng ký xe) nhưng bà S không cung cấp.

[3.2] Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 25/10/2016 (bút lục 42) của Công an huyện Đông Hòa cung cấp thông tin chủ xe mô tô Tirana, biển số 78M1- 4839 , số máy VHHJL152FMH00108869, số khung RPHBCH3UM4H108869 là ông Lê Văn T. Đối chiếu với lời khai của ông T, bà S đủ cơ sở xác định: Xe mô tô biển số 78M1- 4839 là tài sản của DNTN TM T; ông T chỉ là người đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe; toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên trên giấy đăng ký xe do bà S giữ. Do đó, xe mô tô biển số 78M1- 4839 mà DNTN TM T bán cho bà Nguyễn Thị D là tài sản của DNTN TM T.

Tuy nhiên, tại Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 30/5/2010 bà Nguyễn Thị D cung cấp thể hiện: người mua xe bà Nguyễn Thị D, mua xe hiệu Tirana, biển số 78M1- 4839, số máy 00108869, còn nợ số tiền 2.900.000đ, trả góp 8 tháng, mỗi tháng trả 363.000đ, thời gian góp từ 30/5/2010.

Quá trình giải quyết vụ án, bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc 1.107.000đ mà các bên đã chốt còn nợ lại theo Hợp đồng bà D cung cấp và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Căn cứ Hợp đồng bà D cung cấp thể hiện, không rõ ngày tháng năm các bên chốt còn nợ 1.107.000đ, bà D trình bày trả thêm 363.000đ ngày 30/01/2011 nhưng không cung cấp được chứng cứ và bà S không thừa nhận nên yêu cầu bà S buộc bà D trả nợ gốc mua xe là 1.107.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi chậm trả tiền: Trong Hợp đồng trả góp mua xe, 02 bên thỏa thuận lãi 2%/tháng số tiền trả chậm hàng tháng. Về thỏa thuận lãi suất chậm trả tiền 2%/tháng trong Hợp đồng là trái quy định nên điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010). Tại thời điểm chốt nợ, các bên không ghi rõ thời hạn cụ thể nên thời gian tính tiền lãi kể từ ngày bà S nộp đơn khởi kiện ngày 14/3/2013. Tiền lãi phải trả từ ngày 14/3/2013 đến ngày 21/6/2021 là:  $1.107.000đ \times 13.5\%/năm \times 8 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 1.235.824đ$ . Tổng cộng tiền nợ bà D phải trả cho nguyên đơn là:  $1.107.000đ + 1.235.824đ = 2.342.824đ$ .

[4] Sau khi bà D trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1- 4839 thì bà S và ông T phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho bà D.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Hồ Thị S khoản tiền nợ theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 30/5/2010 là 2.342.824đ (*Hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*) trong đó: Tiền gốc 1.107.000đ (*Một triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*); tiền lãi 1.235.824đ (*Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 22/6/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1-4839 thì bà Hồ Thị S và ông Lê Văn T có nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1-4839, số máy VHHJL152FMH00108869, số khung RPHBCH3UM4H108869 cho bà Nguyễn Thị D, lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 do bà D nộp.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Bà Nguyễn Thị D phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị S số tiền 102.475đ (*Một trăm linh hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số AA/2010/10467 ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Thu**



**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Thu**

